TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số:13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 3 - 2023.
V/v "*Ly hôn giữa ông Quân và bà An*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Bá
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Quang
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 300/2022/TL.ST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Q (Tên gọi khác: Nguyễn Tấn Quân), sinh năm 1964. Nơi cư trú: Thôn TL, xã TB, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn TL, xã TB, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022, bảng trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn ông Nguyễn Q trình bày**:** Ông và bà Trần Thị A kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện NT vào ngày 02/12/1988. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã TB, huyện NT, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do bà A ngoại tình, tham gia cờ bạc dẫn đến nợ nần. Ông Q đã bắt gặp bà A đánh bạc nhiều lần và có đánh chị A. Sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần và ông đã nhiều lần gửi đơn đến Tòa án để xin ly hôn nhưng qua hòa giải và gia đình động viên nên ông đã rút đơn về. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không có niềm tin với nhau. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 06/04/1989, Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 09/8/1991 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 07/10/1994. Các con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng trình bày ngày 11/11/2022, biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị A trình bày: Bà và ông Nguyễn Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật như ông Q đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã TB, huyện NT. Vợ chồng đã chung sống nhiều năm, trong cuộc sống hôn nhân cũng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là ông Q đánh đập bà nhiều lần, cư xử không đúng đạo nghĩa vợ chồng, bà đã một lần báo cáo với chính quyền địa phương về việc ông Q đánh đập. Về việc ông Q cho rằng bà ngoại tình là không đúng; về cờ bạc thì bà có tham gia chơi cờ bạc ăn thua số tiền nhỏ từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng cho vui; về nợ nần thì bà vay ai, bà có trách nhiệm trả chứ không ảnh hưởng đến ông Q. Bản thân bà nhận thấy ông Q đối xử với bà không tốt, có hành vi bạo lực gia đình, thời gian gần đây bà nghi ngờ ông Q có quan hệ ngoại tình nhưng không có bằng chứng cụ thể. Nay ông Q gửi đơn xin ly hôn bà không đồng ý ly hôn vì muốn duy trì quan hệ hôn nhân để không ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của các con, các cháu.

Về con chung: Có 03 con chung như ông Q đã trình bày, các con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật tố tụng một cách nghiêm túc, đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày, lời khai nhận của đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được thấy rằng tình trạng hôn nhân của ông Q và bà A là không hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông Q được ly hôn với bà A; Về con chung, tài sản chung các đương sự không không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Ông Nguyễn Q khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trần Thị A có địa chỉ cư trú tại xã TB, huyện NT, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Q và bà Trần Thị A tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện NT vào ngày 02/12/1988. Do vậy, hôn nhân giữa ông Nguyễn Q và bà Trần Thị A là hôn nhân hợp pháp. Diễn biến đời sống hôn nhân giữa ông Q và bà A qua sự thừa nhận của các đương sự trong vụ án cho thấy ông Q, bà A chung sống có nhiều mâu thuẫn, bản thân bà A có tham gia cờ bạc, nợ nần; ông Q có hành vi bạo lực, đánh đập bà A. Mâu thuẫn của vợ chồng kéo dài nhiều năm, ông Q đã nhiều lần nộp đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn về để nhằm tạo cơ hội cho các bên sửa chữa những sai sót của bản thân duy trì đời sống hôn nhân vợ chồng. Tuy nhiên, mâu thuẫn không thể thay đổi được, vợ chồng không còn niềm tin lẫn nhau. Từ đó, cho thấy đời sống hôn nhân giữa ông Q và bà A không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận cho ly hôn theo yêu cầu của ông Q

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Q và bà A có với nhau 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 06/04/1989, Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 09/8/1991 và Nguyễn Tấn T3, sinh ngày 07/10/1994. Hiện nay, các con đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, ông Q, bà A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "*về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Q (tên gọi khác: Nguyễn Tấn Q) và bà Trần Thị A

2. Về con chung, tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí HNGĐ - ST: Ông Nguyễn Q phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011351 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Núi Thành. Ông Nguyễn Q đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(02/3/2023)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Núi Thành
- Các đương sự
- Thi hành án.
- UBND xã TH
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Công Bá